

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH T BÌNH**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 29/11/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH T BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh T Bình tham gia phiên tòa:* Ông
Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải,
tỉnh T Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2019/TLST-
HNGĐ ngày 30/9/2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXX- ST ngày 29/10/2019 và Quyết định
hoãn phiên tòa số: 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị G, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh T Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã D, huyện H, T Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã C, huyện H, T Bình.

(Chị G vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên
tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ
Thị G trình bày:* Chị và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh T Bình
ngày 27/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm
thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời không quan tâm tới vợ con. Từ năm
2014 cho đến nay chị và anh T sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng
không còn, chị G đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được
ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phan Thị Vân A, sinh
ngày 03/9/2004 và Phan Ngọc A, sinh ngày 25/3/2008. Từ khi vợ chồng sống ly

thân, hai con chung sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản làm việc ngày 08/10/2019, ông Phan Văn Tươi là bố đẻ anh Phan Văn T trình bày: Anh T và chị G tự nguyện tìm hiểu kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh T Bình. Sau khi kết hôn anh T, chị G chung sống cùng gia đình ông tại thôn Cam Lai, xã Đông Cơ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, từ năm 2014 cho đến nay anh T và chị G sống ly thân. Về con chung, anh T và chị G có hai con chung là Phan Thị Vân A, sinh ngày 03/9/2004 và Phan Ngọc A, sinh ngày 25/3/2008. Hiện tại hai cháu đang sống cùng với mẹ. Gia đình ông có biết việc chị G xin ly hôn anh T và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T có nói lại với ông là do anh T đi làm ăn nên không về Tòa án để giải quyết được, việc ly hôn tùy chị G quyết định. Anh T hiện đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông qua điện thoại. Ông Tươi nhận các văn bản của Tòa án và cam kết thông báo lại cho anh T biết nội dung các văn bản của Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/10/2019, Ủy ban nhân dân xã C cung cấp như sau: Chị Đỗ Thị G và anh Phan Văn T kết hôn ngày 27/11/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh T Bình và có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã C. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T chính quyền địa phương không nắm rõ nhưng chị G hiện tại không sinh sống ở xã C. Việc chị G xin ly hôn anh T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc, chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã từ bỏ việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đỗ Thị G được ly hôn anh Phan Văn T; về con chung: Giao hai con chung Phan Thị Vân A, sinh ngày 03/9/2004 và Phan Ngọc A, sinh ngày 25/3/2008 cho chị Đỗ Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không giải quyết; về án phí: Chị Đỗ Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phan Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh T Bình. Theo quy định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa chị Đỗ Thị G và anh Phan Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị G và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh T Bình. Tại thời điểm kết hôn, chị G, anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị G và anh T chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, từ năm 2014 cho đến nay chị G và anh T không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, bị đơn anh T đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về việc chị G xin ly hôn anh. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giải quyết cho chị G được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh T có hai con chung là Phan Thị Vân A, sinh ngày 03/9/2004 và Phan Ngọc A, sinh ngày 25/3/2008. Chị G có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T không lên Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi dưỡng con chung, hơn nữa cả hai con chung của chị G và anh T hiện sống cùng chị G, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giao hai con chung Phan Thị Vân A và Phan Ngọc A cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Đỗ Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị G được ly hôn với anh Phan Văn T.

2/ Về con chung: Giao hai con chung Phan Thị Vân A, sinh ngày 03/9/2004 và Phan Ngọc A, sinh ngày 25/3/2008 cho chị Đỗ Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Phan Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Đỗ Thị G phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0009282 ngày 30/9/2019.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh T Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Linh